

Số: /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Tính đến thời điểm tháng 9/2022, cuộc khủng hoảng khí đốt ở châu Âu, lạm phát cao và chính sách thắt chặt tiền tệ toàn cầu đang ảnh hưởng nặng nề đến triển vọng kinh tế thế giới, các tổ chức kinh tế điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm so với các dự báo đưa ra trước đó¹. WB và IMF dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam lần lượt là 7,5% và 7%; trong khi ADB giữ nguyên mức 6,5% so với dự báo đưa ra vào tháng 4/2022.

Nhận định tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ; Chính phủ đã nhấn mạnh quan điểm trong điều hành là: không hoang mang, dao động; cũng không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác; chủ động nắm bắt tình hình, giữ vững bình tĩnh, tự tin, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo trong điều hành; kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn.

Qua 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành đảng bộ Thành phố về Kế hoạch tổng thể phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế, bước đầu Thành phố ghi nhận các chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN

1.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 tăng 27,7% so với cùng kỳ, trong đó các khoản thu liên quan đến bất động

¹ Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 giảm đáng kể, từ mức 4,1% trong dự báo vào thời điểm đầu năm 2022 xuống còn 2,8% trong dự báo tháng 8/2022. Fitch Ratings đã cắt giảm dự báo tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 xuống chỉ còn 2,4%, điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022. Báo cáo cập nhật Triển vọng phát triển kinh tế tháng 9/2022 của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) điều chỉnh giảm mạnh dự báo tăng trưởng kinh tế của một số nền kinh tế lớn so với dự báo đưa ra trong tháng 4/2022, cụ thể dự báo tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ giảm từ 3,9% xuống còn 1,6%, khu vực đồng Euro giảm từ 3,3% xuống 2,5%, Nhật Bản giảm từ 2,7% xuống 1,4%, Trung Quốc giảm từ 5,0% xuống còn 3,3%.

sản tăng 152,3% so với cùng kỳ, dầu thô tăng 116,0%. Ở chiều ngược lại, tổng chi ngân sách địa phương giảm 2,3% so với cùng kỳ.

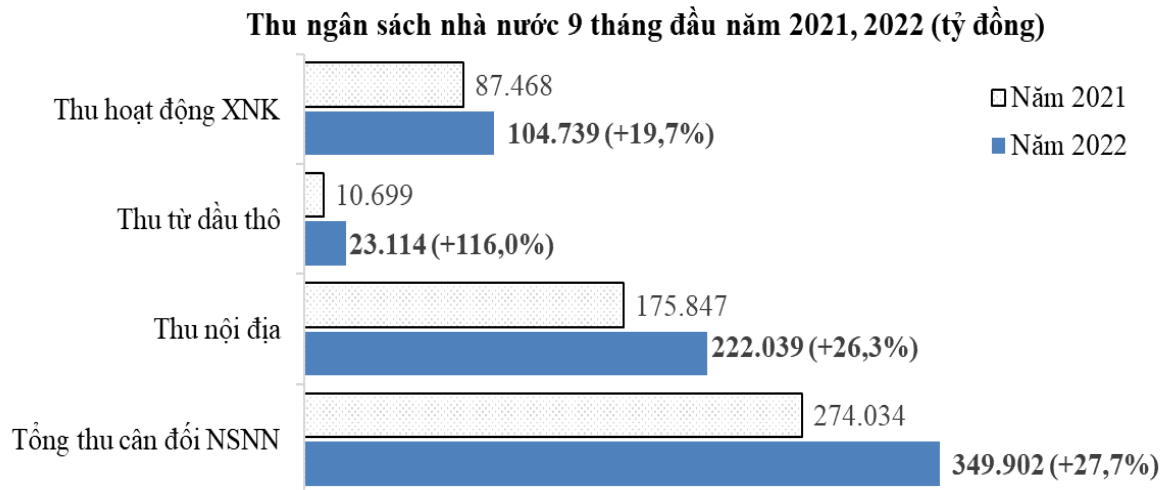
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 349.902 tỷ đồng, đạt 90,5% dự toán và tăng 27,7% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Thu nội địa ước thực hiện 222.039 tỷ đồng, đạt 85,5% dự toán, chiếm 63,5% tổng thu cân đối và tăng 26,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 23.983 tỷ đồng, đạt 91,4% dự toán, chiếm 6,9% tổng thu và tăng 20,2%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 58.979 tỷ đồng, đạt 87,6% dự toán, chiếm 16,9% tổng thu và tăng 20,6%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 51.373 tỷ đồng, đạt 87,6% dự toán, chiếm 14,7% tổng thu và tăng 12,6%.

- Thu dầu thô ước thực hiện 23.114 tỷ đồng, vượt 120,1% dự toán, chiếm 6,6% tổng thu cân đối và tăng 116,0%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 104.739 tỷ đồng, đạt 89,9% dự toán, chiếm 29,9% tổng thu cân đối và tăng 19,7%.

Thu cân đối ngân sách địa phương lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện 84.456 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán, chiếm 24,1% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 33,2% so với cùng kỳ.

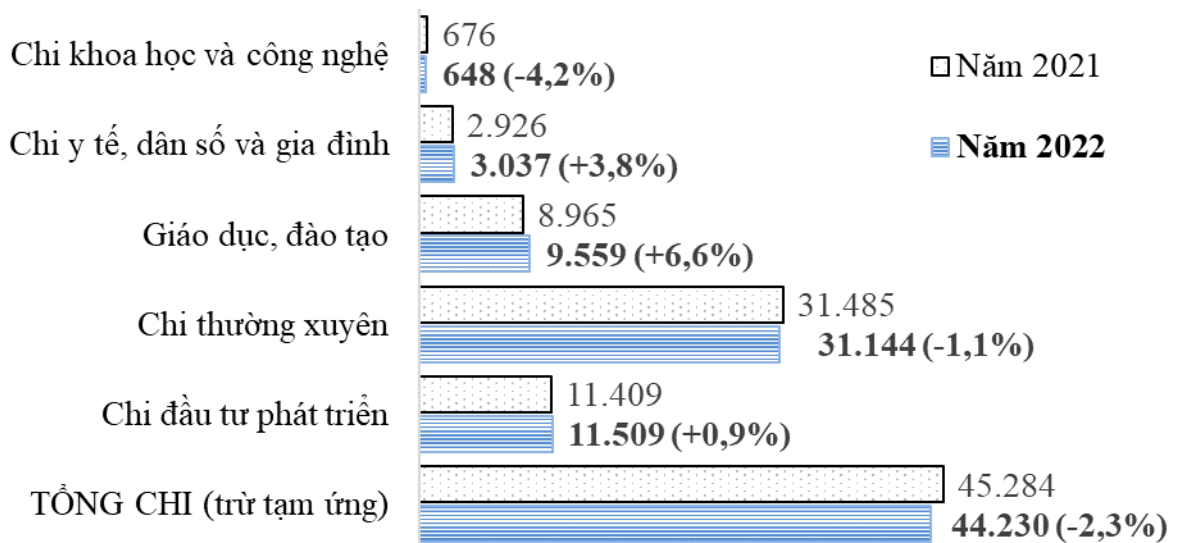


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 44.230 tỷ đồng, đạt 44,4% dự toán và giảm 2,3% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 42.799 tỷ đồng, đạt 44,2% dự toán và giảm 1,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 11.509 tỷ đồng, chiếm 26,4% dự toán và tăng 0,9%.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 31.144 tỷ đồng, đạt 64,0% dự toán và giảm 1,1%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 9.559 tỷ đồng, đạt 65,3% dự toán và tăng 6,6%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 3.037 tỷ đồng, đạt 52,7% dự toán và tăng 3,8%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 648 tỷ đồng, đạt 41,5% dự toán và giảm 4,2%.

Chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2021, 2022 (tỷ đồng)



1.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

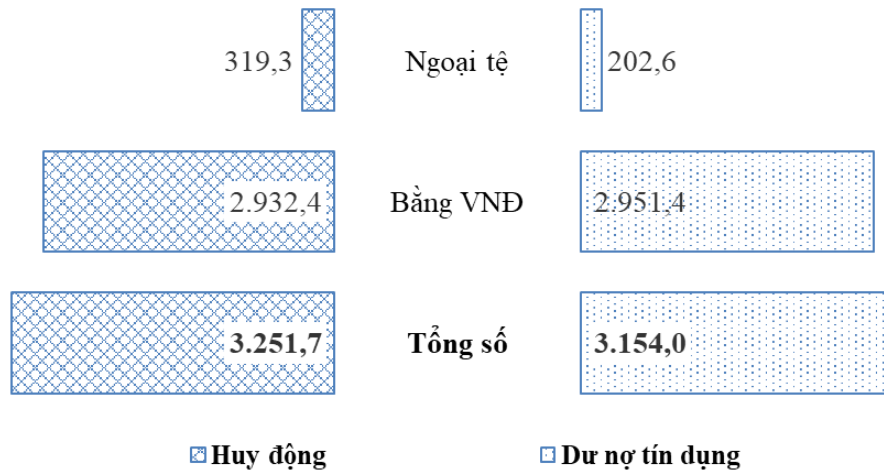
Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố được duy trì ổn định, trong đó lãi suất, tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt. So với cuối năm 2021, khối ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất huy động bằng VNĐ tăng 0,06% - 0,72%/năm đối với kỳ hạn dưới 12 tháng, tăng 0,36% - 0,59%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng và lãi suất cho vay tăng 0,21% - 0,98% tùy kỳ hạn. Tính đến 01/9/2022, tổng vốn huy động tăng 7,5% so cùng kỳ và dư nợ tín dụng tăng 17,8%.

Tổng vốn huy động tính đến ngày 01/9/2022 đạt 3.251,7 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 7,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ đạt 2.932,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 90,2% tổng vốn huy động, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 9,7% so với cùng kỳ.

- Vốn huy động bằng ngoại tệ đạt 319,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng vốn huy động, tăng 4,2% so với tháng trước và giảm 9,1% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(tính đến 01/9/2022 - Đvt: Nghìn tỷ đồng)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến ngày 01/9/2022 đạt 3.154,0 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 2.51,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,6% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ.

- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 202,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,4%, giảm 1,2% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dư nợ ngắn hạn đạt 1.409,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 44,7% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 15,3% so với cùng kỳ.

- Dư nợ trung hạn, dài hạn đạt 1.745,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,3% tổng dư nợ, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 19,9% so với cùng kỳ.

1.3. Thị trường chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước tháng 8 giảm 22,1% so với tháng trước, nhưng giao dịch đã tăng 37,8% về khối lượng và tăng 48,2% về giá trị. Chỉ số VN-Index trong tháng có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng tháng 8/2022, VN-Index đạt 1.280,51 điểm, tăng 6,2% so với tháng trước, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn Hose tăng 6,2%.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/8/2022, số lượng mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) là 512 mã chứng khoán bao gồm: 331 mã cổ phiếu, 10 mã chứng chỉ quỹ, 170 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 03 mã cổ phiếu so với tháng trước. Trong tháng 8/2022 có 23 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose (gồm 02 mã cổ phiếu và 01 mã trái phiếu).

Trong tháng 8 năm 2022 có 23 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 15.285,5 triệu chứng khoán và giá trị đạt 362.363,8 tỷ đồng. Tổng giao dịch tăng 37,8% về khối lượng và tăng 48,2% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,4% về khối lượng và chiếm 89,6% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 664,6 triệu chứng khoán với 15.754,9 tỷ đồng được giao dịch, tăng 25,9% về khối lượng và tăng 35,3% về giá trị so với tháng trước.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2022, tổng khối lượng giao dịch đạt 113.588,7 triệu chứng khoán với 3.372.080,5 tỷ đồng, giảm 2,1% về khối lượng nhưng tăng 3,7% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 93,4% về khối lượng và chiếm 87,0% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 692,6 triệu chứng khoán với 20.561,5 tỷ đồng được giao dịch.

Kết quả giao dịch chứng khoán trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2022 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 8/2022	Lũy kế 8 tháng 2022	Tháng 8/2022 so với tháng 7/2022	Lũy kế 8 tháng 2022 so với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	15.285,5	113.588,7	137,8	97,9
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	12.293,2	93.359,8	139,2	93,9
- Trái phiếu	3,7	62,5	168,2	18,8
- Chứng chỉ quỹ & ETF	133,9	1.059,8	104,6	88,6
- Chứng quyền	2.854,7	19.106,6	134,2	127,2
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	13.967,1	106.063,2	137,6	97,8

- Giao dịch thoả thuận	1.318,4	7.525,5	140,0	99,4
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	362.363,8	3.372.080,5	148,2	103,7
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	293.575,8	2.757.703,8	148,2	105,8
- Trái phiếu	24,6	643,8	190,7	2,1
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.925,8	25.999,0	109,3	103,9
- Chứng quyền	65.837,6	587.733,9	150,7	99,7
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	324.810,4	2.933.622,3	150,0	99,2
- Giao dịch thoả thuận	37.553,4	438.458,2	134,3	148,3

Chỉ số VN-Index tháng 8 năm 2022 với 23 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 15 phiên tăng điểm và 08 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 8/2022, chỉ số VN-Index đạt 1.231,35 điểm, giảm 17,8% (tương ứng giảm 266,93 điểm) so với 31/12/2021. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index có xu hướng tăng nhẹ và đạt giá trị cao nhất trong tháng khi đóng cửa ở mức 1.288,88 điểm vào ngày 25/8/2022, tăng 4,7% (tương ứng tăng 57,53 điểm) so với phiên đầu tháng. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 8/2022, VN-Index đạt 1.280,51 điểm, giảm 14,5% (tương ứng giảm 217,77 điểm) so với 31/12/2021 và tăng 6,2% (tương ứng tăng 74,18 điểm) so với tháng trước. Giá trị vốn hóa thị trường đạt 5.092.550 tỷ đồng, tương đương 3,92 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2021.

2. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Sau khi giảm ở tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 quay trở lại tăng với mức 0,3%, trong đó có 4/11 nhóm hàng giảm với nhóm giao thông tiếp tục giảm nhiều nhất (-2,12%); nhóm may mặc, văn hóa giải trí, hàng hóa dịch vụ khác giảm lần lượt là -0,19%; -0,29%; 0,09%; 6/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó nhóm giáo dục tăng cao 4,42%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế không thay đổi.

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 9 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: tăng 0,23%, với nhiều mặt hàng giảm giá, các mặt hàng tăng giá cũng có mức tăng thấp hơn tháng trước. Trong đó, nhóm lương thực tăng 0,04% (thấp hơn nhiều mức tăng tháng trước) với giá gạo giảm 0,1%, lương thực chế biến tăng 0,48%. Nhóm thực phẩm tăng 0,08%; trong đó, thịt gia súc giảm 0,11%; trứng các loại giảm 0,08%; thịt gia cầm tăng 0,47%; giá dầu mỡ ăn tăng 0,38%; thủy sản tươi sống tăng 0,59%; nước chấm giảm 0,08%.

Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,47%, thấp hơn mức 0,62% của tháng trước.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: giảm 0,11% trong đó vải tăng 0,22%; quần áo may sẵn giảm 0,01%; mũ nón tăng 0,36%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: tăng 0,66%; trong đó nhóm điện sinh hoạt giảm 0,57%; nước sinh hoạt tăng 0,24%; gas và chất đốt giảm 1,54%.

Nhóm giao thông: giảm 2,12%, chủ yếu là do nhóm nhiên liệu giảm 5,19% (xăng giảm 6,13%); dịch vụ giao thông công cộng giảm 1,55%.

Nhóm giáo dục: tăng 4,42%, trong đó đồ dùng học tập giảm 0,9%; dịch vụ giáo dục tăng 4,81%.

So với cùng kỳ, CPI tháng 9 tăng 2,8% với 11/11 nhóm hàng tăng giá, nhóm giao thông tăng cao nhất với mức tăng là 7,22%.

CPI tháng 9 tăng 3,66% so với tháng 12 năm 2021 và bình quân 9 tháng đầu năm 2022 tăng 2,18% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 9 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 9 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,10	102,80	102,57	102,18
Trong đó: Lương thực	106,91	102,43	104,32	104,24
Thực phẩm	107,53	96,45	103,36	99,69
2. Chỉ số giá vàng	101,11	116,81	115,32	118,3
3. Chỉ số giá USD	99,68	100,53	99,17	99,94

Chỉ số giá vàng tháng 9 năm 2022 giảm 0,25% so với tháng trước; tăng 9,48% so tháng 12 năm 2021 và tăng 16,8% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng đầu năm 2022 tăng 18,3% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2022 tăng 0,10% so với tháng trước; tăng 0,35% so với tháng 12 năm 2021 và tăng 0,53% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng đầu năm 2022 giảm 0,16% so với cùng kỳ.

3. CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT

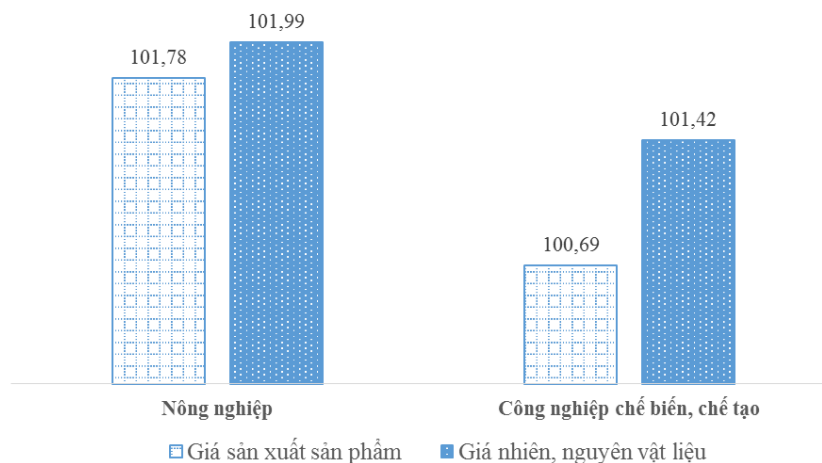
Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2022 tăng 1,78% so với quý trước và tăng 1,80% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 1,06% so với quý trước; lâm nghiệp giữ nguyên; thủy sản tăng 3,53%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,62% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp giảm 0,66%; giá lâm nghiệp không có sự biến động; thủy sản tăng 3,83%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III/2022 tăng 0,69% so với quý trước và tăng 2,34% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 1,05% so với quý trước; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,69%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,79%; cung cấp nước, và xử lý rác thải tăng 0,06%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III/2022 tăng 0,25% so với quý trước và tăng 1,95% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 2,36% so với quý trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,84%; thông tin và truyền thông tăng 0,16%; giáo dục và đào tạo tăng 0,17%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội và nghệ thuật vui chơi, giải trí đều không tăng so với quý trước. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 1,67% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 7,56%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,68%; thông tin và truyền thông tăng 0,36%; giáo dục và đào tạo tăng 0,89%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 1,65%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,66%.

Chỉ số phát triển giá sản xuất và nhiên, nguyên vật liệu

Ngành nông nghiệp, Công nghiệp chế biến, chế tạo so với quý trước (%)



Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2022 tăng 1,17% so với quý trước và tăng 5,14% so với cùng kỳ. Trong đó, dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,99% so với quý trước; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,42%; dùng cho xây dựng giảm 0,66%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 5,88% so với cùng kỳ. Trong đó, dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,47%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,77%; dùng cho xây dựng tăng 10,73%.

4. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư

Trong tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố có chủ trương cho phép kéo dài thêm thời gian thực hiện và giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 sang năm 2022, đồng thời ban hành Quyết định bổ sung Kế hoạch vốn năm 2022.

4.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 9 năm 2022 đạt 2.930,7 tỷ đồng, tăng 40,9% so với tháng trước và tăng gấp gần 6 lần so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư ước thực hiện 18.980,3 tỷ đồng, đạt 43,3% so với kế hoạch năm và tăng 37,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

Theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 18.310,5 tỷ đồng, đạt 37,4% so với kế hoạch và tăng 52,9% so với cùng kỳ; vốn sửa chữa lớn đạt 35,9% so với kế hoạch và tăng 52,9% so với cùng kỳ.

Theo cấp quản lý: Vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước thực hiện 17.757,7 tỷ đồng, tăng 37,9% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước thực hiện 227,9 tỷ đồng, tăng 48,9%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước thực hiện 4,7 tỷ đồng, tăng 62,9%.

Tính đến ngày 31/8/2022, tổng số vốn đã giải ngân đạt 22,7% so với Kế hoạch vốn được UBND Thành phố triển khai và Kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách Trung ương kéo dài.

Tình hình thực hiện Vốn ngân sách 9 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Chính thức 8 tháng năm 2022	Ước tính tháng 9 năm 2022	Ước tính 9 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm so cùng kỳ (%)	9 tháng đầu năm so kế hoạch (%)
Tổng số	16.049,5	2.930,7	18.980,3	137,9	43,3
Theo khoản mục đầu tư					
- Vốn XD/CB	15.510,8	2.809,7	18.310,5	137,4	43,6
- Vốn sửa chữa	548,7	121,0	669,8	152,9	35,9
Theo cấp quản lý					
- Cấp thành phố	15.867,8	2.890,0	17.757,7	137,9	42,8
- Cấp huyện	187,9	39,9	227,9	148,9	-
- Cấp xã	3,8	0,8	4,7	162,9	-

4.1.2. Khối lượng thực hiện vốn đầu tư tại một số đơn vị:

Ban Quản lý đường sắt: Tháng 9 năm 2022, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn ước thực hiện 351,3 tỷ đồng, trong đó xây lắp đạt 291,9 tỷ đồng. Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2.489,5 tỷ đồng, đạt 52,2% so với kế hoạch, trong đó xây lắp đạt 1.719,7 tỷ đồng, đạt 42,0%.

Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ: Trong 9 tháng đầu năm, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn ước thực hiện 704,5 tỷ đồng, đạt 57,3% so với kế hoạch.

Quận Bình Tân: Tháng 9 năm 2022, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn ước thực hiện 335,4 tỷ đồng, trong đó xây lắp đạt 302,7 tỷ đồng. Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1.650,5 tỷ đồng, đạt 59,9% so với kế hoạch; trong đó xây lắp đạt 1.084,5 tỷ đồng; đạt 60,7%.

Quận Tân Bình: Tháng 9 năm 2022, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn ước thực hiện 211,2 tỷ đồng, trong đó xây lắp đạt 66,7 tỷ đồng. Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 đạt 815,9 tỷ đồng, đạt 51,9% so với kế hoạch; trong đó xây lắp đạt 330,2 tỷ đồng; đạt 48,2%.

Thành phố Thủ Đức: Tháng 9 năm 2022, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn ước thực hiện 125,7 tỷ đồng, trong đó xây lắp 20,6 tỷ đồng. Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 đạt 630,3 tỷ đồng, đạt 59,5% so với kế hoạch, trong đó xây lắp đạt 235,8 tỷ đồng, đạt 43,1%.

4.1.3. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên): Do các vấn đề liên quan đến việc huy động nguồn lực dẫn đến dự án chậm tiến độ so với kế hoạch. Thành phố đã kiến nghị điều chỉnh thời gian thực hiện, hoàn thành thi công tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành – Suối Tiên vào cuối quý IV/2023.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 2: Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; trong giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật, tuyển chọn Tư vấn CS2B, hoàn tất việc lập hồ sơ mời thầu các gói thầu chính để làm cơ sở lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu chính của Dự án.

Cấp vốn cho dự án chuẩn bị đầu tư: Dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố: 120 tỷ đồng; Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài: 3 tỷ đồng; Dự án Tăng cường khả năng tiếp cận và tổ chức kết nối các tuyến xe buýt với nhà ga thuộc tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành – Suối Tiên: 2 tỷ đồng.

5. HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

5.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn Thành phố tăng 46,6% so với cùng kỳ, nhưng tổng nguồn vốn đăng ký giảm 1,3% và vốn đăng ký bình quân của doanh nghiệp giảm 32,7%.

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/9/2022, thành phố đã cấp phép 32.925 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 376.173 tỷ đồng, tăng 46,6% về giấy phép và giảm 1,3% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 24.091 doanh nghiệp thành lập, tăng 44,2% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 286.803 tỷ đồng, tăng 10,5%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Trong đó loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH có 28.856 đơn vị, tăng 49,4% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 204.236 tỷ đồng, giảm 4,3% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 3.763 đơn vị, tăng 26,9%; vốn đăng ký 171.759 tỷ đồng, tăng 2,4%. Doanh nghiệp tư nhân 302 đơn vị, tăng 68,7%; vốn đăng ký 116 tỷ đồng, tăng 10,5%.

Phân theo loại hình kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 125 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.911 tỷ đồng, tăng 21,4% về cấp phép và giảm 25,9% về vốn so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 6.395 doanh nghiệp, tăng 50,8% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 77.897 tỷ đồng, giảm 27,6%. Trong đó, ngành xây dựng có 2.779 doanh nghiệp, tăng 44,4%; vốn đạt 30.398 tỷ đồng, giảm 4,3%; nhóm ngành công nghiệp có 3.616 đơn vị với số vốn đăng ký đạt 47.499 tỷ đồng, giảm 37,4% về vốn.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 26.405 doanh nghiệp, tăng 45,8% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 296.365 tỷ đồng, tăng 9,3%. Trong đó, hoạt động thương nghiệp có 12.579 đơn vị với vốn đăng ký đạt 100.802 tỷ đồng, tăng 12,4% về vốn; Hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm có 503 đơn vị với vốn đăng ký đạt 23.914 tỷ đồng, tăng 59,5%; Hoạt động kinh doanh bất động sản có 2.055 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 107.903 tỷ đồng, tăng 25,2%; Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 3.166 doanh nghiệp với vốn đăng ký 17.498 tỷ đồng, giảm 50,4%.

5.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/9/2022, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố là 2,97 tỷ USD, tăng 26,1% so với cùng kỳ, chia ra:

- **Cấp mới** có 567 dự án với vốn đăng ký đạt 348,0 triệu USD, giảm 7,6% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động thông tin và truyền thông có 126 dự án, vốn đăng ký là 134,2 triệu USD, chiếm 38,6% vốn đăng ký cấp mới; kể đến là hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 217 dự án, vốn đăng ký là 106,3 triệu USD, chiếm 30,5%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 142 dự án, vốn đăng ký 32,0 triệu USD, chiếm 9,2%. Nhà đầu tư nước ngoài phân theo quốc gia và vùng lãnh thổ, Singapore dẫn đầu với 97 dự án, vốn đăng ký đạt 121,8 triệu USD, chiếm đến 35,0% vốn đăng ký cấp mới; kế đến là Nhật Bản với 60 dự án, vốn đăng ký 60,2 triệu USD, chiếm 17,3%, Hàn Quốc với 81 dự án, vốn đăng ký đạt 47,1 triệu USD, chiếm 13,5%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 114 lượt dự án với số vốn tăng 1.489,1 triệu USD, tăng gấp gần 2,5 lần so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 16 dự án, vốn đăng ký 905,6 triệu USD, chiếm 60,8% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động thông tin và truyền thông có 13 dự án, vốn đăng ký 264,5 triệu USD, chiếm 17,8%. Singapore là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1.151,1 triệu USD, chiếm 77,3% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 1.797 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 1.129,5 triệu USD, giảm 16,2% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với vốn góp là 424,2 triệu USD, chiếm 37,6% tổng vốn góp; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 222,2 triệu USD, chiếm 19,7%; hoạt động kinh doanh bất động sản 203,5 triệu USD, chiếm 18,0%. Hàn Quốc và Singapore là hai quốc gia có tỷ trọng cao lần lượt chiếm 30,3% và 21,1% trong vốn góp.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố đến ngày 20/9/2022 là 11.007 dự án với vốn đăng ký là 55,45 tỷ USD (*Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước*).

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố
(từ ngày 01/01/2022 đến 20/9/2022)

	Năm 2022		% so với cùng kỳ năm 2021	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		2.966,6		126,1
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	567	348,0	122,9	92,4
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	114	1.489,1	95,6	245,7
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	1.797	1.129,5	106,3	83,8

6. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

6.1. Nông nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm 2022, ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục thực hiện nhiệm vụ với mục tiêu phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững gắn với phát triển du lịch mang nét đặc trưng riêng của Thành phố. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã dần được khắc phục, giá xăng, dầu có nhiều đợt điều chỉnh giảm; giá các mặt hàng thức ăn chăn nuôi, phân bón, giá lợn giống dần ổn định giúp cho ngành chăn nuôi có xu hướng khởi sắc trở lại.

6.1.1. Trồng trọt

Vụ Đông xuân

Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông xuân đạt 11.143,5 ha, giảm 3,6% so với cùng kỳ, trong đó giảm chủ yếu diện tích gieo trồng lúa, ngô, mía, rau tại các

huyện Bình Chánh, Hóc Môn và quận Bình Tân do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

Diện tích trồng ngô đạt 219,3 ha, giảm 38,4% so với cùng kỳ; sản lượng sơ bộ đạt 966,3 tấn, giảm 39,1%.

Diện tích trồng sắn mì đạt 83,2 ha, giảm 14,8% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 2.451,8 ha, giảm 2,2% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 92.739,6 tấn, tăng 1,4%.

Vụ Hè thu

Tổng diện tích gieo trồng vụ Hè thu đạt 11.956,6 ha, giảm 0,9% so cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng lúa tương đối ổn định khi chỉ tăng 0,1% so cùng kỳ

Diện tích gieo trồng rau đạt 2.208,4 ha, giảm 3,1% so cùng kỳ, sản lượng ước đạt 78.506,6 tấn giảm 0,1%, chia ra: huyện Hóc Môn đạt 349,6 ha (giảm 1,1 ha) huyện Bình Chánh đạt 570,9 ha (giảm 11,6 ha), huyện Củ Chi đạt 1.096,4 ha (giảm 56,8 ha).

Vụ Hè thu năm 2022 tình hình sản xuất hoa lan đã phục hồi so với trước dịch. Sau thời gian chăm sóc, chọn lọc vườn hoa kém năng suất nên mặc dù diện tích có giảm 1,4% nhưng sản lượng thu hoạch tăng 5,8% so cùng kỳ.

Vụ Mùa

Tổng diện tích gieo trồng ước tính đạt 11.927,8 ha, giảm 2,0% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng lúa ước tính giảm 2,3% tương đương (-139,7 ha); chủ yếu do diện tích lúa giảm tại huyện Củ Chi.

Diện tích gieo trồng ngô ước tính đạt 19,1 ha tăng 16% so cùng kỳ, sản lượng ước tính tăng 21,6%.

Diện tích trồng sắn đạt 88,1 ha giảm 6,3% so với cùng kỳ, sản lượng đạt 841,4 tấn giảm 3,5%.

Diện tích gieo trồng rau ước tính đạt 2.146,4 ha, giảm 3,8% so cùng kỳ, sản lượng ước đạt 73.216,2 tấn, tăng 1,2%.

Diện tích hoa lan cắt cành tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, với diện tích hoa lan đạt 208,8 ha, tăng 4,1% so với cùng kỳ, tuy nhiên năng suất, sản lượng hoa lan cắt cành tăng rất cao, năng suất đạt 74 nghìn cành/ha, tăng 101,1% với sản lượng ước tính đạt 15.448,6 nghìn cành, tăng 109,3%.

Tình hình sinh vật gây hại

Diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 858,4 ha, tăng 14,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, diện tích nhiễm sinh vật hại là 5.339,1 ha, tăng 11,1%. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ như rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao.

6.1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn Thành phố duy trì ổn định do có sự kiểm soát tốt tình hình bệnh trên gia súc và gia cầm. Tình hình sản xuất chăn nuôi có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Trong đó:

- Đàn lợn hiện ước tính có 138.655 con lợn thịt, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

- Đàn trâu ước tính có 3.759 con, giảm 20,1%.

- Đàn bò ước tính có 104.781 con, giảm 18,5%, trong đó đàn bò sữa có 70.269 con, chiếm 67,1% tổng đàn bò. Đàn bò sữa tiếp tục duy trì ổn định cho năng suất sữa đạt chất lượng cao. Sản lượng sữa ước tính đạt 148.226 tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ.

- Đàn gia cầm ước tính có 356,9 nghìn con, tăng 0,3% so với cùng kỳ, trong đó đàn gà có 316,8 nghìn con, chiếm 88,8% tổng đàn gia cầm.

Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có xu hướng tăng đến hết năm 2022 vì thế sẽ gây không ít khó khăn cho ngành chăn nuôi của Thành phố.

6.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng là 36.822 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,6%. Tổng số gỗ khai thác trong 9 tháng đầu năm ước đạt 5.170 m³, tăng 0,9% so với cùng kỳ. Sản lượng củi khai thác 2.000 tấn, tương đương cùng kỳ.

Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng: Đã tổ chức 702 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Tuyên truyền vận động nhân dân về công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ động vật hoang dã với 1.217 lượt cho 5.637 người.

Trong tháng 9 không phát hiện vụ phá rừng trái pháp luật. Tính từ đầu năm đến nay, đã phát hiện và xử lý 03 vụ phá rừng phòng hộ trái pháp luật với tổng thiệt hại là 238 m².

6.3. Thủy sản

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản ước thực hiện 38.895 tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 11.671,2 tấn, giảm 0,9%; sản lượng tôm ước đạt 9.308 tấn, tăng 16,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 17.915,8 tấn, tăng 3,7%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

- Sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng đầu năm 2022 năm ước thực hiện 10.014,3 tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 8.142,4 tấn, tăng 0,2%; sản lượng khai thác thủy sản nội địa ước đạt 1.871,9 tấn, giảm 3,9%.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 28.880,7 tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 5.856,2 tấn, giảm 3,1%; sản lượng tôm ước đạt 7.762,5 tấn, tăng 21,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 15.262 tấn, tăng 5,1%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 03/9/2022)

Tôm sú: Hiện có 309 lượt hộ thả nuôi với 110,8 triệu con giống trên diện tích 3.247,1 ha. Diện tích thả nuôi giảm 2,0% và số lượng con giống giảm 6,7% so với cùng kỳ.

Tôm thẻ chân trắng: Có 1.482 lượt hộ thả nuôi với 592,5 triệu con giống trên diện tích 1.293,1, diện tích thả nuôi tăng 45,8% và con giống tăng 51,9% so với cùng kỳ.

Hiện nay, tình hình dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ đang gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm. Tính từ đầu năm có 18 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,3 ha, số lượng con giống thiệt hại là 3,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh với 2.729 kg thuốc TTCA.

7. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

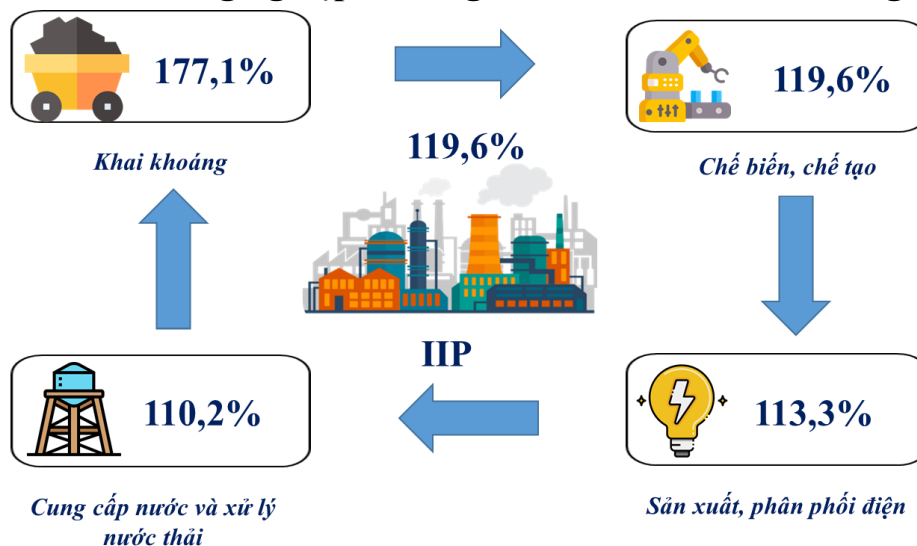
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 9 năm 2022 ước tính tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 89,6% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 20,9% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 94,5% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 44,3% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 26,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố tăng 19,6% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 77,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 13,3%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 10,2%.

Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 26/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 74,9%; sản xuất

đồ uống tăng 62,3%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 59,9%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 51,0%; dệt tăng 38,2%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 37,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ (%)



Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 28,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 3,0%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số	107,3	95,1	87,05	119,6
Chia theo ngành cấp 1				
1. Công nghiệp khai khoáng	82,3	302,1	65,6	177,1
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	107,5	94,2	86,9	119,6
3. SX và phân phối điện	109,0	98,8	95,7	113,3
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,0	101,4	95,9	110,2
Một số ngành chủ yếu				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	96,9	103,4	92,2	115,9
2. Sản xuất đồ uống	107,3	88,0	73,9	162,3
3. Sản xuất trang phục	103,8	79,7	74,2	132,9
4. Sản xuất da và SP liên quan	99,1	80,5	84,0	113,5
5. SX hóa chất và SP hóa chất	98,3	123,5	94,5	112,0
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	99,3	92,6	92,4	159,9
7. SP từ khoáng kim loại	95,4	96,8	88,4	114,4
8. Sản xuất SP điện tử	122,5	118,5	85,0	105,3
9. Sản xuất thiết bị điện	116,1	97,1	101,7	105,4
10. Sản xuất xe có động cơ	96,0	87,3	93,4	132,0

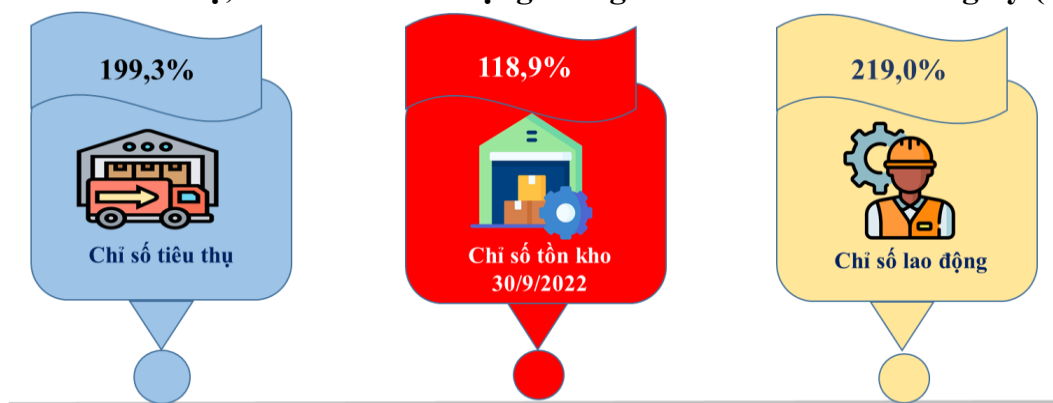
Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 tăng 24,4% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành hóa dược tăng 35,1%; ngành lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 32,8%; ngành cơ khí tăng 14,2%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 5,3%.

Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống: Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 tăng 26,3% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành dệt tăng 38,2%; ngành sản xuất trang phục tăng 32,9%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 13,5%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng đầu năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 80,7%; bia chai, lon tăng 79,2%; vải tăng 48,0%; sắt thép các loại tăng 31,1%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Tivi giảm 16,1%; phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 13,5%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9 năm 2022 ước tính giảm 1,2% so với tháng trước và tăng 99,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 19,8% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất đồ uống tăng 68,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 66,5%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 57,8%; sản xuất xe có động cơ tăng 55,4%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 40,2%; sản xuất thiết bị điện giảm 20,9%; sản xuất kim loại giảm 8,7%.

Chỉ số tiêu thụ, tồn kho và lao động tháng 9 năm 2022 so với cùng kỳ (%)



Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 9 năm 2022 ước tính tăng 18,9% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất trang phục tăng 81,9%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 71,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 35,7%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 20,4%. Một số ngành có mức

tồn kho giảm mạnh như: Dệt giảm 65,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 49,9%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 47,3%; sản xuất xe có động cơ giảm 39,5%; sản xuất đồ uống giảm 38,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 31,6%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 9 tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 119,0% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số lao động tăng 12,2% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 27,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 24,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 17,0%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 24,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 6,8%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 4,3%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 3,5%.

Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh quý III năm 2022 so với quý II năm 2022 có 32,6% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên; 34,7% giữ ổn định và 32,7% khó khăn hơn. Trong đó, 75,0% doanh nghiệp nhà nước nhận định rằng tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên và giữ ổn định; tỷ lệ này ở doanh nghiệp ngoài nhà nước; có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 67,8% và 64,0%.

Dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý IV năm 2022 so với quý III năm 2022, có 41,5% doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, 36,3% giữ ổn định và 22,2% khó khăn hơn. Trong đó, có 88,9% doanh nghiệp nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2022, tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước là 78,7% và có vốn đầu tư nước ngoài là 72,7%.

8. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI

8.1. Thương mại, dịch vụ

Sức mua hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chung trên địa bàn thành phố tháng 9 tăng nhẹ so với tháng trước, trong đó một số nhóm hàng hóa, dịch vụ giảm không đáng kể như: Nhiên liệu, vật phẩm giáo dục, dịch vụ lưu trú và du lịch lữ hành; các nhóm hàng và dịch vụ còn lại đều tăng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 năm 2022 ước đạt 94.216 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 146,3% so với cùng kỳ. **Ước tính 9 tháng đầu năm 2022**, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 804.728 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính tháng 9 năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	Tháng 9 năm 2022 so với tháng trước (%)	Tháng 9 năm 2022 so với cùng kỳ (%)	9 tháng 2022 so với cùng kỳ (%)
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	94.216	804.728	101,2	246,3	125,9
Doanh thu bán lẻ	53.075	466.000	100,5	197,3	121,1
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.263	60.955	101,0	1.026,1	192,1
Dịch vụ lữ hành	693	4.715	98,8	4.311,0	247,3
Dịch vụ khác	32.185	273.058	102,4	305,5	123,8

Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I chiếm tỷ trọng 31,3% tổng mức 9 tháng, giảm 7,7% so với cùng kỳ; quý II chiếm tỷ trọng 33,8% tăng 12,1% so với cùng kỳ và quý III chiếm tỷ trọng 34,8% bằng 2,26 lần so cùng kỳ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9 ước đạt 53.075 tỷ đồng, chiếm 56,3% trong tổng mức, tăng 0,5% so với tháng trước, diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

Nhóm lương thực thực phẩm chiếm tỷ trọng 18,0% trong tổng mức, tăng 1,8% so với tháng trước; nhóm hàng đồ dùng thiết bị gia đình chiếm tỷ trọng 12,8%, giảm 0,5%; ô tô và phương tiện đi lại (gồm cả sữa chữa) chiếm tỷ trọng 16,7%, tăng 1,7%; xăng dầu và nhiên liệu khác chiếm tỷ trọng 12,2%, giảm 2,1%; hàng may mặc chiếm 7,4%, tăng 2,1%; hàng hóa khác còn lại tăng 0,4%.

Ước tính 9 tháng đầu năm 2022, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 466.000 tỷ đồng, tăng 21,1% so với cùng kỳ, với nhiều nhóm hàng tăng cao như nhóm hàng vật phẩm văn hóa giáo dục (+54,3%); nhóm hàng xăng dầu (+36,0%); nhóm hàng may mặc (+30,2%); nhóm hàng ô tô (+26,4%); nhóm hàng lương thực thực phẩm (+11,4%); nhóm hàng may mặc (+37,4%).

Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 9 ước đạt 8.263 tỷ đồng, chiếm 8,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 1,0% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống tăng 1,2%, doanh thu lưu trú giảm 1,3% so với tháng trước và gấp 10 lần so với cùng kỳ. **Ước tính 9 tháng đầu**

năm 2022, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 60.955 tỷ đồng, tăng 92,1% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 134,4%; dịch vụ ăn uống tăng 88,5%.

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 9 ước đạt 693 tỷ đồng, giảm 1,2% so với tháng trước và gấp 43,1 lần so với cùng kỳ. **Ước tính 9 tháng đầu năm 2022**, doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 4.715 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6% trong tổng mức bán lẻ và tăng 147,3% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 9 ước đạt 32.185 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 205,5% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 187,4% so với cùng kỳ; **Ước tính 9 tháng đầu năm 2022**, doanh thu đạt 273.058 tỷ đồng tăng 23,8% so với cùng kỳ; trong đó ngành kinh doanh bất động sản tăng 20,5%.

8.2. Xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa

Trong 9 tháng đầu năm 2022, kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam. Cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine kéo dài và chính sách Zero Covid-19 tại Trung Quốc đã tác động mạnh đến thương mại toàn cầu. Mặc dù, kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh có độ mở lớn nhưng vẫn đạt được những bước tăng trưởng ấn tượng.

8.2.1. Xuất khẩu hàng hóa

Ước tính tháng 9 năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.156,2 triệu USD, tăng 0,3% so với tháng trước; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 4.022,0 triệu USD, tăng 2,2%.

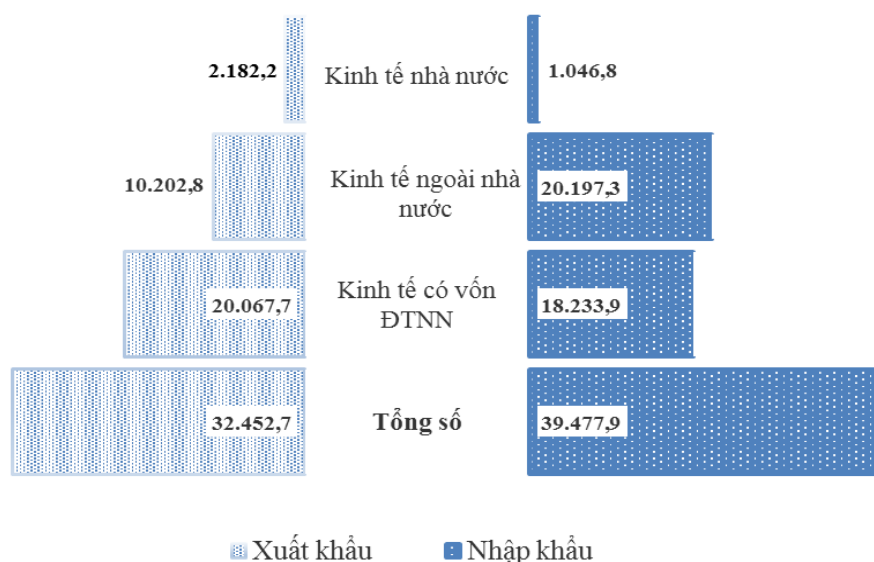
Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 9 năm 2022 đạt 3.504,4 triệu USD, giảm 7,2% so với tháng trước. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 197,5 triệu USD, giảm 27,4%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.129,9 triệu USD, giảm 9,8%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.177,0 triệu USD, giảm 3,4%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 36.960,9 triệu USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 35.266,9 triệu USD, tăng 13,0%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 32.452,7 triệu USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 2.182,2 triệu USD, tăng 27,4%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 10.202,8

triệu USD, tăng 21,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 20.067,7 triệu USD, tăng 2,6%.

**Kim ngạch xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố
9 tháng đầu năm 2022 (Triệu USD)**



Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 9 tháng đầu năm 2022 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

- *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 3.301,7 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ và chiếm 10,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 1.001,5 nghìn tấn với giá trị đạt 897,5 triệu USD, tăng 8,7%.

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 228,0 nghìn tấn với giá trị đạt 480,2 triệu USD, tăng 19,2%.

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 177,6 nghìn tấn với giá trị đạt 446,1 triệu USD, giảm 5,7%.

- *Nhóm hàng lâm sản* có giá trị xuất khẩu đạt 497,8 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 1,6%.

- *Nhóm hàng thủy hải sản* có giá trị xuất khẩu đạt 971,2 triệu USD, tăng 70,8% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 3,2%.

- *Nhóm hàng công nghiệp* có giá trị xuất khẩu đạt 22.744,6 triệu USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 73,9%, trong đó:

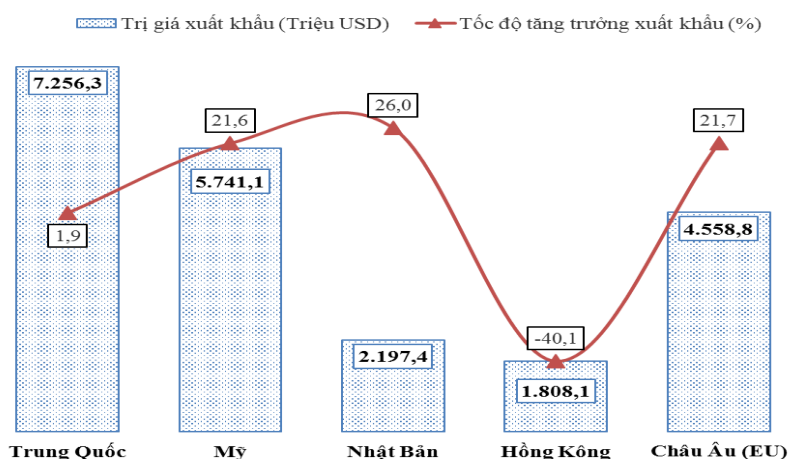
+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 12.057,7 triệu USD, giảm 1,9%.

+ Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 3.511,0 triệu USD, tăng 47,4%.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 2.071,4 triệu USD, tăng 36,7%.

- + Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 1.901,3 triệu USD, tăng 48,0%.
- Nhóm hàng hóa khác có giá trị xuất khẩu đạt 3.243,4 triệu USD, giảm 24,7% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 10,5%.

Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường chủ lực 9 tháng đầu năm 2022



Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2.026,9 nghìn tấn (giảm 16,5% so với cùng kỳ); giá trị đạt 1.694,0 triệu USD (tăng 34,7%).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các doanh nghiệp Thành phố với kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 7.256,3 triệu USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ, chiếm 22,4% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ hai, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5.741,1 triệu USD, tăng 21,6%, chiếm 17,7%.

Thứ ba, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 2.197,4 triệu USD, tăng 26,0%, chiếm 6,8%.

Thứ tư, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông đạt 1.808,1 triệu USD, giảm 40,1%, chiếm 5,6%.

Giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp Thành phố sang thị trường Châu Âu đạt 4.558,8 triệu USD, tăng 21,7%, chiếm tỷ trọng 14,0%.

8.2.2. Nhập khẩu hàng hóa

Ước tính tháng 9 năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.971,7 triệu USD, giảm 2,3% so với tháng trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố đạt 3.825,6 triệu USD, giảm 8,7% so với tháng trước; chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 92,7 triệu USD, giảm 11,2%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước

đạt 2.131,3 triệu USD, giảm 7,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.601,6 triệu USD, giảm 9,8%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 48.764,5 triệu USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố đạt 39.477,9 triệu USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ; chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 1.046,8 triệu USD, tăng 37,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 20.197,2 triệu USD, tăng 14,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18.233,9 triệu USD, tăng 1,2%.

Cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu qua cảng Thành phố trong 9 tháng đầu năm 2022 gồm:

- Nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 13.973,9 triệu USD, tăng 14,4% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 37,0%.

- Nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 17.991,3 triệu USD, giảm 5,7%, chiếm 47,6%.

- Nhóm hàng tiêu dùng đạt 2.040,5 triệu USD, tăng 40,2%, chiếm 5,4%.

- Nhóm hàng hóa khác đạt 3.807,1 triệu USD, tăng 10,1%; chiếm 10,0%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 9 tháng đầu năm 2022 gồm:

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 11.421,0 triệu USD, giảm 16,7% so với cùng kỳ, chiếm 28,9% giá trị nhập khẩu.

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác đạt 4.050,6 triệu USD, tăng 21,0%, chiếm 10,3%.

- Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 1.647,0 triệu USD, tăng 4,5%, chiếm 4,2%.

- Sắt, thép các loại có giá trị nhập khẩu đạt 1.617,1 triệu USD, tăng 16,7%, chiếm 4,1%.

8.3. Vận tải hàng hóa và hành khách

8.3.1. Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9 ước đạt 26.649 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 53,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 234.564 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ, chia ra:

Vận tải hàng hóa: Doanh thu 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 73.328 tỷ đồng, tăng 38,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm

17,5%, tăng 38,5% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 80,8%, tăng 39,4%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,7%, giảm 4,3%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,8%, tăng 34,3% so với cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 24,3%, tăng 44,0%.

Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách 9 tháng đầu năm 2022

	Doanh thu 9 tháng		So với cùng kỳ	
	(tỷ đồng)		(%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	73.328	15.130	138,1	236,0
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>				
<i>Chia ra:</i>				
Kinh tế nhà nước	12.844	753	138,5	158,3
Kinh tế ngoài nhà nước	59.245	11.882	139,4	239,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.239	2.495	95,7	257,7
<i>Phân theo ngành vận tải</i>				
<i>Trong đó:</i>				
Đường bộ	48.997	10.870	134,3	227,5
Đường sắt	301	703	57,7	156,2
Đường hàng không	24	2.138	115,6	241,9

Vận tải hành khách: Doanh thu 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 15.130 tỷ đồng, tăng 136,0% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,0%, tăng 58,3%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 78,5%, tăng 139,4%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,5%, tăng 157,7%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 71,8%, tăng 127,5% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,6%, tăng 56,2%; đường hàng không chiếm 14,1%, tăng 141,9%.

Hoạt động hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu 9 tháng đầu năm 2022 đạt 146.106 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Chia ra: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 133.480 tỷ đồng, tăng 6,7%; Bưu chính và chuyển phát đạt 12.626 tỷ đồng, tăng 56,0%.

8.3.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

Sản lượng vận tải hàng hóa: Tháng 9 ước đạt 42.483 nghìn tấn, tăng 90,3% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 321.654 nghìn tấn,

tăng 35,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 17,3%, tăng 45,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,6%, tăng 37,4% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 5,1%, giảm 9,1%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,4%, tăng 28,2% so với cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 15,4%, tăng 30,6%.

Sản lượng vận tải hành khách: Tháng 9 ước đạt 80.769 nghìn hành khách. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 621.084 nghìn hành khách, tăng 134,7% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 1,1%, tăng 82,3%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 96,8%, tăng 133,9% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 2,1%, tăng 237,9%.

Phân theo ngành vận tải, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 81,3%, tăng 114,8%; vận tải đường sắt chiếm 0,3%, tăng 75,2% và vận tải hàng không chiếm 0,3%, tăng 55,9%.

9. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

9.1. Y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết trên địa bàn thành phố diễn biến phức tạp, số ca nhiễm và tử vong đều tăng cao so với cùng kỳ. Số ca cộng dồn từ đầu năm đến 15/9/2022 là 56.000 ca, tăng 66,5% so với cùng kỳ (+4.683 ca); số ca tử vong là 21 ca, tăng 05 ca so với cùng kỳ. Trong đó, số ca nặng tăng hơn 7 lần so với cùng kỳ.

Tình hình bệnh Tay chân miệng: Số ca cộng dồn từ đầu năm đến 15/9/2022 là 14.054 ca, không có trường hợp tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Tổng số liều vắc xin đã tiêm là 23.375.491 liều bao gồm 8.683.901 liều 1; 7.728.644 liều 2; 689.484 liều bổ sung; 4.781.363 liều nhắc lại lần 3; 1.492.099 liều nhắc lại lần 4; Trong đó, người từ 18 tuổi trở lên có 66,3% tiêm liều 3; và 51,8% tiêm liều 4; trẻ từ 12-17 tuổi đã đạt 100% tiêm liều 1; 96,9% trẻ tiêm liều 2 và 34,3% tiêm liều 3; trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi: 62,3% tiêm liều 1; 34,8% tiêm liều 2.

Vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong tháng 9 năm 2022, thành phố đã tiến hành giám sát an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm đối với 80 cơ sở bếp ăn tập thể trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn. Kết quả là có 33 cơ sở đạt; 22 cơ sở bổ sung hồ sơ; 03 cơ sở không đạt (chuyển thanh tra theo dõi, xử lý); 07 cơ sở đã được kiểm tra, mới cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện, 13 cơ sở ngưng hoạt động, 01 cơ sở không đúng loại hình và 01 cơ sở không liên lạc được.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị: Tình hình khám chữa bệnh 9 tháng đầu năm 2022 tại các cơ sở y tế cơ bản đã phục hồi, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố, các tỉnh lân cận. Tổng số lượt khám chữa bệnh ngoại trú 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 24.550.944 lượt, tăng 44% so với cùng kỳ. Tổng số lượt điều trị nội trú 9 tháng đầu năm 2022 ước là 1.595.093 lượt, tăng 40%.

9.2. Hoạt động giáo dục

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2021-2022

Cấp tiểu học: Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 124.518 học sinh, đạt 99,93%.

Cấp trung học cơ sở: Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS là 106.529 học sinh, đạt 99,80%.

Cấp trung học phổ thông: Năm nay tiếp tục thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia và kết hợp xét tuyển đại học. Hệ phổ thông có 73.519 học sinh dự thi đạt tốt nghiệp đạt 99,54%.

Tình hình tuyển sinh đầu cấp năm học 2022-2023

Trẻ vào mầm non: Huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học vào trường mầm non; có kế hoạch đảm bảo cho trẻ 3, 4 tuổi và độ tuổi nhà trẻ được đi học, tổ chức nhận trẻ 6-18 tháng tuổi.

Tuyển sinh đầu cấp khối tiểu học: 100% trẻ 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện vào học lớp 1 theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức và các quận, huyện quy định.

Tuyển sinh đầu cấp khối trung học cơ sở: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện được vào học lớp 6, theo đúng tuyển quận huyện, sĩ số không quá 45 em mỗi lớp.

Tuyển sinh đầu cấp khối trung học phổ thông: Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự tuyển vào lớp 10.

9.3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa nghệ thuật: Trong 9 tháng đầu năm 2022 thành phố đã có nhiều hoạt động lễ hội sự kiện: Như chương trình Đón chào năm mới; giải marathon Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX năm 2022; Liên hoan biểu diễn các bộ môn võ thuật và các bài thể dục; Kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2022), Lễ Giỗ tổ Hùng Vương - năm Nhâm Dần 2022; Ngày hội “Non sông thống nhất” kỷ niệm 47 năm Ngày Giải

phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2022) và 136 năm Ngày Quốc tế Lao động (01/5/1886 - 01/5/2022); Các hoạt động kỷ niệm 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2022) và 111 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2022); Kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2022); Hẹn mặt mừng công huân luyện viên, vận động viên Thành phố Hồ Chí Minh đạt thành tích tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 - Việt Nam, ...

Về hoạt động thể dục, thể thao

Thể thao cộng đồng: Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 về Kế hoạch triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030.

Thể thao thành tích cao: Trong 9 tháng đầu năm 2022 thể thao thành tích cao Thành phố tập trung cho việc tập huấn và tham dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games 31. Thành phố đã đóng góp trên 25% lực lượng tham dự Đại hội (339/1.341 thành viên tham dự), đạt chỉ tiêu đề ra. Với thành tích 42 HCV, 36 HCB, 25 HCD tại Đại hội, đoàn thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất sắc vượt chỉ tiêu đề ra (15 huy chương vàng) và là một trong hai đơn vị (sau Hà Nội) đóng góp nhiều huy chương nhất cho đoàn thể thao Việt Nam (205 HCV, 125 HCB, 116 HCD). Đây cũng là kỳ SEA Games mà thể thao Thành phố đạt được thành tích huy chương nhiều nhất với 42 huy chương vàng trong đó có 16 huy chương cá nhân và 26 huy chương đồng đội.

9.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Trong 9 tháng đầu năm 2022, xảy ra 1.514 vụ tai nạn giao thông đường bộ (kể cả va chạm), làm chết 476 người và bị thương 971 người. So với cùng kỳ năm 2021, số vụ giao thông đường bộ tăng 196 vụ (+14,9%), tăng 135 người chết (+39,6%) và tăng 177 người bị thương (+22,3%).

Xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 03 người, không có người bị thương (giảm 01 vụ so với cùng kỳ).

Xảy ra 02 vụ tai nạn trên tuyến thủy nội địa, làm chết 02 người.

Về tình hình cháy nổ: Trong 9 tháng đầu năm 2022, xảy ra 146 vụ cháy, giảm 5,8% (-09 vụ), làm 04 người chết, bị thương 12 người, trị giá tài sản thiệt hại hơn 4,9 tỷ đồng. Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện. Trong kỳ, trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế: Đã phát hiện mới 1.733 vụ, 933 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế và buôn lậu, tăng 1.153 vụ, 405 đối tượng so với cùng kỳ;

trị giá hàng hóa tạm giữ ước tính 146 tỷ đồng; trong đó số vụ phạm tội về kinh tế là 1.701 vụ, với 931 đối tượng; số vụ về tham nhũng, chức vụ phát hiện là 32 vụ, với 02 đối tượng. Tổng số thụ lý có 1.211 tin báo, khởi tố 653 vụ, 145 bị can về tham nhũng, chức vụ (khởi tố mới 11 vụ, 9 bị can).

Hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Đã triệt phá 940 vụ, 3.062 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (giảm 135 vụ, tăng 1.150 đối tượng so với cùng kỳ); Khởi tố 720 vụ, 956 bị can, xử lý hành chính 93 vụ, 1.799 đối tượng; Thu giữ: 54,829 kg Heroin; 0,8262 gram Cocain; 65,789 kg Cần sa; 34,901 kg Cần sa tươi; 397,5495 kg MTTH; 04 súng; 52 viên đạn; 133 xe máy; 211 ĐTDD, 16 Cân tiêu ly; 34,4 triệu cùng một số công cụ phương tiện khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Trong 9 tháng đầu năm 2022, ghi nhận 3.001 vụ, tăng 128 vụ (+4,5%) so với cùng kỳ. Gồm: 69 vụ giết người, 64 vụ cướp tài sản, 544 vụ cướp giật tài sản, 1.295 vụ trộm cắp tài sản, 07 vụ hiếp dâm, 14 vụ hiếp dâm người dưới 16 tuổi, 31 vụ giao cấu với người dưới 16 tuổi, 08 vụ dâm ô, 276 vụ cố ý gây thương tích, 14 vụ bắt giữ người trái pháp luật, 28 vụ cưỡng đoạt tài sản, 297 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 42 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 53 vụ hủy hoại tài sản, 21 vụ gây rối trật tự công cộng, 149 vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc, 02 vụ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, 03 vụ chứa mại dâm, 07 vụ môi giới mại dâm, 20 vụ chống người thi hành công vụ, 41 vụ làm giả con dấu tài liệu và 16 vụ án khác.

9.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong 9 tháng đầu năm 2022, Trung tâm dịch việc làm Thành phố đã tổ chức 96 phiên, sàn giao dịch việc làm đạt 80% kế hoạch, tư vấn giới thiệu việc làm cho 435.860 lượt người, giới thiệu việc làm cho 99.671 lượt người đạt 99,5% kế hoạch.

Dự ước 9 tháng đầu năm 2022, giải quyết việc làm cho 241.639 lượt người (đạt 80,5% kế hoạch); trong đó tạo việc làm mới là 107.045 chỗ (đạt 76,46% kế hoạch năm).

So với cùng kỳ năm 2021, số lao động được giải quyết việc làm tăng 64.202 lượt người (tỷ lệ giải quyết việc làm tăng 36,2%), số chỗ việc làm mới tăng 25.301 chỗ (tỷ lệ tạo việc làm mới tăng 31,0%).

Về hoạt động liên quan đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Từ đầu năm đến nay, số lao động do các đơn vị đưa đi có 5.225 người, tập trung ở

thị trường Nhật Bản, tập trung ngành nghề chính như chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

9.6. Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm 2022, đã tiếp nhận 105.943 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 101.479 người lao động đủ điều kiện, tiếp nhận 356.041 lượt trường hợp người lao động đến thông báo về tìm kiếm việc làm.

9.7. An sinh xã hội

Về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tính đến ngày 31/8/2022 đã tiếp nhận và phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà của 69.376 doanh nghiệp với số lao động là 1.688.250 người, tổng số tiền đề nghị khoảng 978,1 tỷ đồng (chiếm 99,4% hồ sơ đề nghị) và đã giải ngân cho 63.418 doanh nghiệp với 1.599.171 lao động, số tiền là 915,5 tỷ đồng (chiếm 93,1% so với kinh phí đề nghị).

Công tác giảm nghèo bền vững

Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố tại thời điểm đầu năm 2022 có 56.226 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm 2,22% trên tổng hộ dân thành phố. Trong đó, hộ nghèo là 36.664 hộ, chiếm tỷ lệ 1,45% và hộ cận nghèo là 19.562 hộ, chiếm tỷ lệ 0,77%. Tổ chức hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo vay vốn từ các nguồn quỹ Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể: Tổng nguồn vốn cho vay hỗ trợ giảm nghèo là 11.544 tỷ đồng, tăng 8,4 tỷ đồng so với đầu năm 2022. Nguồn vốn cho vay Quốc gia về việc làm và nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm thành phố là 4.342,9 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2022, đã giải ngân cho 16.941 lượt hộ vay, với số tiền 994,1 tỷ đồng.

Đến tháng 9/2022 thành phố đã mua 117.909 thẻ bảo hiểm y tế với số tiền 91,6 tỷ đồng cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn cận nghèo. Thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 62.061 lượt hộ, với số tiền 9,4 tỷ đồng; hỗ trợ tiền sử dụng nước sạch trong sinh hoạt cho 27.477 hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 406,6 triệu đồng; hỗ trợ chi phí khuyến khích hóa táng cho 220 trường hợp với số tiền 489 triệu đồng; xây dựng 20 căn nhà tình thương với số tiền trên 1 tỷ đồng; hỗ trợ sửa chữa chống dột 41 căn nhà tình thương với số tiền gần 4 tỷ đồng và 27 căn nhà tình nghĩa với số tiền 1,5 tỷ đồng. Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho 578 lao động với số tiền 44,1 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 2.755 lượt lao động.

Bảo trợ xã hội

Hiện 16 cơ sở bảo trợ xã hội công lập đang tiếp nhận, quản lý 6.121 đối tượng và 62 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập 3935 đối tượng đang được nuôi dưỡng, chăm sóc. Từ đầu năm đến nay, có 33 trẻ em được lập danh sách tìm kiếm gia đình thay thế. Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho 135.729 người với số tiền hơn 147,2 tỷ đồng.

Tiếp tục phối hợp hướng dẫn giải quyết chính sách hỗ trợ chi phí mai táng cho người dân bị tử vong do dịch Covid-19. Từ đầu năm đến nay, thực hiện tiếp nhận ban đầu 738 trường hợp người xin ăn, sinh sống nơi công cộng, không có nơi cư trú ổn định, đưa vào Trung tâm hỗ trợ xã hội để phân loại và chuyển đến các Cơ sở bảo trợ xã hội và 63 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 đưa vào các Cơ sở bảo trợ xã hội để nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em

Trên địa bàn Thành phố hiện có 17.224 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và 17.224 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đang sống tại cộng đồng; có 2.513 trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại 60 cơ sở bảo trợ xã hội. Thành phố phối hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam và các Công đoàn của các đơn vị tài trợ đã trao sổ tiết kiệm cho 117 trẻ em mồ côi do Covid-19, trẻ em gia đình hộ nghèo và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 1,72 tỷ đồng và 90 xe đạp với số tiền 360 triệu đồng; thực hiện Kế hoạch triển khai tự kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em.

Thực hiện chính sách với người có công

Tính đến tháng 9/2022, có 38.326 lượt người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng trên địa bàn Thành phố với tổng kinh phí chi trả khoảng 64,2 tỷ đồng. Trong tháng, thực hiện công nhận mới 56 trường hợp, nâng tổng số hồ sơ công nhận mới lên 411 trường hợp. Giải quyết mai táng phí và trợ cấp 01 lần cho 1.556 trường hợp, tiếp nhận 411 hồ sơ của người có công và của thân nhân liệt sĩ từ tỉnh, thành phố khác chuyển đến. Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho 38.326 lượt người có công và thân nhân người có công với tổng số tiền hơn 64,2 tỷ đồng

Thực hiện 688 cuộc tiếp công dân giải đáp chế độ chính sách đối với người có công và thân nhân; trả lời 155 đơn (thư) về chế độ chính sách. Phối hợp quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức Đoàn lãnh đạo thành phố thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách tiêu biểu nhân kỷ niệm các ngày Lễ lớn; đồng thời rà soát lập danh sách đề xuất hỗ trợ cho 515 thương, bệnh binh nặng từ 81% trở

lên nhận hỗ trợ với số tiền hơn 7,7 tỷ đồng; 551 trường hợp người có công được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 126/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố với số tiền khoảng 13,2 tỷ đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2022.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng